

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM**



**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
(Theo hệ thống tín chỉ, áp dụng từ khóa 59)**

MÃ NGÀNH: 7340102
TÊN NGÀNH: KINH DOANH QUỐC TẾ
TÊN CHUYÊN NGÀNH: KINH TẾ NGOẠI THƯƠNG
TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

HẢI PHÒNG - 2018

BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
(Theo hệ thống tín chỉ, áp dụng từ khóa 59)

Mã ngành: **7340102**

Tên ngành: **Kinh doanh quốc tế**

Tên chuyên ngành: **Kinh tế ngoại thương**

Mã chuyên ngành: **7340102 D402**

Trình độ: **Đại học chính quy.**

Thời gian đào tạo: **4 năm**

1. Mục tiêu đào tạo:

Chương trình đào tạo được xây dựng nhằm đào tạo cử nhân kinh tế ngoại thương có phẩm chất chính trị tốt, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với nhân dân. Có đạo đức tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, có ý thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo, có ý chí phấn đấu vươn lên trong nghề nghiệp, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Các sinh viên sau khi được đào tạo trở thành các cử nhân kinh tế ngoại thương nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo.

Mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo là:

- a. Cung cấp kiến thức ngành về kinh tế và kinh doanh quốc tế giúp cho sinh viên hiểu được sự vận hành của một nền kinh tế, hiểu được các hoạt động kinh doanh quốc tế; trang bị kiến thức chuyên ngành Kinh tế ngoại thương giúp cho sinh viên nắm bắt được quy trình cụ thể đối với hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu;
- b. Năng lực thiết kế (D), thực hiện (I) và vận hành (O) các thành quả của quá trình đào tạo liên quan đến lĩnh vực kinh tế ngoại thương;
- c. Nâng cao sự hiểu biết về bối cảnh nghề nghiệp trong lĩnh vực kinh tế ngoại thương.

Với các mục tiêu tổng quát và cụ thể trên, mục tiêu đối với định hướng nghề nghiệp của sinh viên chuyên ngành Kinh tế ngoại thương hướng đến những vị trí sau:

- Các sở ban ngành có bộ phận hội nhập kinh tế quốc tế; có liên quan đến kinh doanh quốc tế, kinh tế quốc tế, đầu tư nước ngoài.
- Các công ty kinh doanh có liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu;
- Các công ty kinh doanh có liên quan đến hoạt động logistics, vận tải, giao nhận;
- Các hãng tàu, đại lý hãng tàu, công ty vận tải biển;
- Các doanh nghiệp kinh doanh và khai thác cảng;
- Các tổ chức tài chính, tín dụng có liên quan đến hoạt động thanh toán quốc tế.

CTĐT cũng chuẩn bị cho sinh viên làm việc trong các lĩnh vực khác, yêu cầu kiến thức nâng cao về ngành kinh tế và kinh doanh quốc tế cũng như chuẩn bị cho nghiên cứu sau đại học các chuyên ngành có liên quan đến chuyên ngành Kinh tế ngoại thương.

2. Chuẩn đầu ra.

Mã số	Nội dung	Khung TĐQG	TĐNL
1	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH		
1.1	Kiến thức cơ bản về toán học và KHTN		
1.1.1	Toán chuyên đề kinh tế	K1	
1.1.1.1	Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về toán học tối ưu		3.0
1.1.1.2	Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về xác suất và quy luật phân bố xác suất		3.0
1.2	Kiến thức cơ bản về KHXH, khoa học chính trị, pháp luật và quản lý		
1.2.1	Kiến thức cơ bản về KHXH, khoa học chính trị	K2	
1.2.1.1	Có khả năng hiểu và tiếp nhận, phản hồi hệ thống những quan điểm về tự nhiên và về xã hội, làm sáng tỏ nguồn gốc, động lực, những quy luật chung của sự vận động, phát triển của tự nhiên và của xã hội loài người.		3.0
1.2.1.2	Có khả năng hiểu về các phương thức sản xuất, học thuyết kinh tế từ đó hình thành năng lực tư duy lý luận, tư duy độc lập trong phân tích và giải quyết các vấn đề thực tiễn chính trị - xã hội		3.5
1.2.1.3	Có khả năng hiểu biết mang tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh từ đó góp phần xây dựng nền tảng con người mới.		3.5
1.2.1.4	Có khả năng hiểu biết về các kiến thức cơ bản có hệ thống về đường lối cách mạng của Đảng bao gồm hệ thống quan điểm, chủ trương về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam từ đó ý thức được trách nhiệm công dân của mình đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng		3.5
1.2.1.5	Có khả năng áp dụng các hiểu biết về lý luận kinh tế, chính trị, xã hội giải thích lý luận của chủ nghĩa Mác – Lê nin về chủ nghĩa xã hội		3.5
1.2.2	Kiến thức cơ bản về pháp luật đại cương	K1	2.0
1.2.2.1	Có hiểu biết cơ bản về hệ thống pháp luật kinh tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh		2.0
1.2.2.1	Nắm được địa vị các chủ thể kinh tế trong nền kinh tế quốc dân		2.0
1.3	Kiến thức cơ sở ngành		
1.3.1	Giới thiệu ngành Kinh tế		
1.3.1.1	Hiểu được một số kiến thức, kỹ năng cơ bản, thái độ, đạo đức nghề nghiệp của ngành kinh tế		2.0
1.3.2	Kinh tế vi mô	K1	
1.3.2.1	Có khả năng hiểu biết mang tính hệ thống về những khái niệm cơ bản về khoa học kinh tế, lý thuyết cung cầu, lý thuyết về hành vi của người tiêu dùng và hành vi của người sản xuất		2.0
1.3.2.2	Có hiểu biết cơ bản về các cấu trúc của thị trường, các thất bại thị trường và các biện pháp khắc phục của Chính phủ		2.0
1.3.3	Kinh tế vĩ mô	K1	

1.3.3.1	<i>Có hiểu biết mang tính hệ thống về những khái niệm, cách tính toán và ý nghĩa của các biến số kinh tế vĩ mô</i>		2.0
1.3.3.2	<i>Có hiểu biết cơ bản về những chính sách của chính phủ và tác động của chúng đến nền kinh tế.</i>		2.0
1.3.4	Tài chính tiền tệ	K1	
1.3.4.1	<i>Có khả năng hiểu và vận dụng các lý luận nền tảng về tài chính, tiền tệ trong nền kinh tế thị trường, làm tiền đề để nghiên cứu các môn nghiệp vụ thuộc khối ngành Kinh tế và Tài chính Kế toán, bao gồm các kiến thức chung về thị trường tài chính, tài chính doanh nghiệp, giá trị thời gian của tiền, các định chế tài chính và quá trình cung ứng tiền tệ.</i>		2.0
1.3.5	Nguyên lý kế toán	K1	
1.3.5.1	<i>Có khả năng hiểu và nắm được các kiến thức cơ bản về kế toán trong doanh nghiệp</i>		2.5
1.3.5.2	<i>Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để làm các công việc kế toán đơn giản, các định khoản đơn giản, lập báo cáo tài chính</i>		2.5
1.3.6	Nguyên lý thống kê	K1	
1.3.6.1	<i>Có những hiểu biết mang tính hệ thống về các nguyên tắc, nguyên lý thống kê, các bảng biểu thống kê thường gặp trong thực tiễn.</i>		2.0
1.3.6.2	<i>Có khả năng áp dụng, xây dựng và cung cấp các phương pháp phân tích đánh giá mặt lượng các hoạt động kinh tế - xã hội của các tổ chức, đơn vị.</i>		2.0
1.3.7	Thuế	K1	
1.3.7.1	<i>Có khả năng hiểu và vận dụng kiến thức chung về thuế và nội dung cơ bản của chính sách thuế hiện hành. Học phần giúp sinh viên hiểu và vận dụng được cách tính các loại thuế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Học phần đề cập tới các nội dung: Đại cương về thuế; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; thuế tiêu thụ đặc biệt; thuế bảo vệ môi trường; thuế giá trị gia tăng; thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế thu nhập cá nhân.</i>		2.5
1.3.8	Kinh tế lượng	K1	2.5
1.3.8.1	<i>Có khả năng hiểu biết mang tính hệ thống những kiến thức cơ bản về kinh tế lượng, các bước tiến hành để đi lượng hóa mối quan hệ giữa các biến kinh tế, hiểu thế nào là phân tích hồi quy.</i>		2.5
1.3.8.2	<i>Có hiểu biết cơ bản về hàm hồi quy đơn, hàm hồi quy bội, hàm hồi quy biến giả.</i>		2.5
1.3.8.3	<i>Có khả năng đánh giá mức độ phù hợp của mô hình, phát hiện các khuyết tật và biện pháp khắc phục nếu có, để có thể phục vụ cho công tác dự báo trong nghiên cứu kinh tế.</i>		2.5
1.3.9	Giao dịch thương mại quốc tế	K1	2.5
1.3.9.1	<i>Hiểu được các phương thức giao dịch thương mại quốc tế</i>		2.5
1.3.9.2	<i>Nắm được những vấn đề cơ bản của hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế</i>		2.5
1.3.9.3	<i>Vận dụng điều kiện thương mại quốc tế Incoterms 2010 để quy định về nghĩa vụ trách nhiệm của các bên trong hợp đồng thương mại quốc tế</i>		2.5
1.3.10	Khoa học giao tiếp	K1	2.5
1.3.10.1	<i>Hiểu được những vấn đề cơ bản trong giao tiếp (khái niệm, vai trò, phân loại giao tiếp, các nguyên tắc và kỹ năng cơ bản trong giao tiếp)</i>		2.5

1.3.10.2	Hiểu được những vấn đề cơ bản về văn hoá giao tiếp và kinh doanh của các nước trên thế giới		2.5
1.3.10.3	Hiểu được kiến thức cơ bản về giao tiếp bằng văn bản trong kinh doanh quốc tế		2.5
1.3.10.4	Hiểu được các nguyên tắc của cách thức bố trí chỗ ngồi cho một buổi lễ		2.5
1.3.10.5	Hiểu được cách thức tổ chức tiệc và tham dự tiệc chiêu đãi		2.5
1.3.10.6	Hiểu được cách thức đón tiếp khách		2.5
1.3.11	Kinh tế quốc tế	K1	2.0
1.3.11.1	Hiểu được những vấn đề cơ bản của nền kinh tế thế giới, nội dung và tính chất của các quan hệ kinh tế quốc tế		2.0
1.3.11.2	Hiểu được nội dung của các học thuyết thương mại cổ điển, các nguyên tắc trong thương mại giữa các quốc gia trên thế giới; hiểu và đánh giá được tác động của các công cụ điều chỉnh hoạt động thương mại		2.0
1.3.11.3	Hiểu được khái niệm, nguyên nhân của đầu tư quốc tế, suy luận được tác động của đầu tư quốc tế đối với nước nhận đầu tư và chủ đầu tư Phân biệt được các loại hình đầu tư quốc tế Hiểu được khái niệm của di chuyển lao động quốc tế; phân biệt được xu hướng xuất-nhập khẩu lao động của nước phát triển và nước đang phát triển		2.0
1.3.11.4	Hiểu được những vấn đề cơ bản của cán cân thanh toán và thị trường tiền tệ quốc tế		2.0
1.3.12	Đàm phán thương mại quốc tế	K1	2.5
1.3.12.1	Hiểu được những vấn đề cơ bản về đàm phán nói chung và đàm phán trong thương mại quốc tế		2.5
1.3.12.2	Hiểu được cách phân biệt, phân loại và trường hợp áp dụng các phong cách, chiến lược, chiến thuật và kỹ thuật đàm phán thương mại quốc tế		2.5
1.3.12.3	Hiểu được các giai đoạn và trình tự các bước thực hiện đàm phán thương mại quốc tế		2.5
1.3.12.4	Hiểu được các bí quyết để đàm phán thành công trong thương mại quốc tế		2.5
1.3.12.5	Hiểu được tầm ảnh hưởng của văn hóa trong thương mại quốc tế, sự khác biệt của văn hóa trong đàm phán thương mại ở các quốc gia khác nhau		2.5
1.3.13	Pháp luật kinh doanh quốc tế	K1	2.5
1.3.13.1	Có kiến thức về luật thương mại trong môi trường kinh doanh quốc tế, cụ thể là vấn đề pháp luật kinh doanh quốc tế trong đó có nghiên cứu tổng quan về các hệ thống pháp luật trên thế giới		2.5
1.3.13.2	Có kiến thức về hợp đồng KD quốc tế, bao gồm các nội dung cơ bản như giới thiệu tổng quan, điều kiện hiệu lực, hợp đồng điện tử...		2.5
1.3.13.3	Có kiến thức cơ bản về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh quốc tế, bao gồm kiến thức tổng quan và các phương thức giải quyết tranh chấp mang tính tài phán và không mang tính tài phán		2.5
1.3.14	Marketing quốc tế	K1	3.0

1.3.14.1	<i>Giải nghĩa các kiến thức căn bản về Marketing quốc tế: khái niệm, quá trình phát triển, vai trò cũng như các doanh nghiệp thực hiện marketing quốc tế; các yếu tố của môi trường Marketing quốc tế cũng như ảnh hưởng của chúng đến hoạt động Marketing quốc tế của doanh nghiệp</i>		3.0
1.3.14.2	<i>Biết được tổng quát về nghiên cứu Marketing và các vấn đề cơ bản khi thực hiện nghiên cứu Marketing</i>		3.0
1.3.14.3	<i>Mô tả được đặc trưng, hành vi khách hàng trong các loại thị trường phổ biến</i>		3.0
1.3.14.4	<i>Diễn giải được quy trình phân đoạn, lựa chọn, định vị thị trường mục tiêu và các biện pháp thâm nhập thị trường quốc tế</i>		3.0
1.3.14.5	<i>Hiểu được các quyết định về hàng hóa trong môi trường quốc tế, các vấn đề liên quan đến định giá và quyết định về giá trên thị trường quốc tế, mô tả được vòng đời và việc phát triển sản phẩm xuất khẩu quốc tế</i>		3.0
1.3.14.6	<i>Giải thích được các quyết định liên quan đến phân phối, chiến lược phân phối quốc tế</i>		3.0
1.3.14.7	<i>Xác định được ưu nhược điểm và quy trình thực hiện các công cụ xúc tiến hỗn hợp trong marketing quốc tế</i>		3.0
1.3.15	Phân tích hoạt động kinh tế	K1	3.0
1.3.15.1	<i>Có khả năng hiểu biết mang tính hệ thống cơ sở lý luận của PTHĐKT, đánh giá chung tình hình SXKD của doanh nghiệp.</i>		3.0
1.3.15.2	<i>Có khả năng phân tích tình hình thực hiện chỉ tiêu sản lượng, tình hình sử dụng TSCĐ, tình hình Lao động – tiền lương, tình hình thực hiện chỉ tiêu giá thành, tình hình thực hiện chỉ tiêu lợi nhuận, tình hình tài chính.</i>		3.0
1.3.16	Logistics và vận tải đa phương thức	K1	2.5
1.3.16.1	<i>Hiểu và nắm được các kiến thức cơ bản tổng quan về các hoạt động logistics, vận tải đa phương thức quốc tế.</i>		2.5
1.3.16.2	<i>Hiểu và nắm được các kiến thức cơ bản tổng quan về cơ sở vật chất kỹ thuật trong vận tải đa phương thức; hệ thống luật thương mại và chứng từ trong vận tải đa phương thức; tổ chức vận tải ĐPT</i>		2.5
1.3.17	Thực tập cơ sở ngành	K1	2.5
1.3.17.1	<i>Có khả năng tìm hiểu thực tế về cơ cấu tổ chức, hoạt động kinh doanh của công ty thực tập và viết nhật ký thực tập</i>	K1	2.5
1.4	Kiến thức chuyên ngành, phương pháp và công cụ		
1.4.1	Thương mại điện tử	K1	2.5
1.4.1.1	<i>Có khả năng hiểu được các khái niệm, vai trò, sự phát triển của TMĐT</i>		2.5
1.4.1.2	<i>Có khả năng hiểu được đặc điểm của TMĐT, cách phân loại và những lợi ích, hạn chế, tác động của ngành TMĐT</i>		2.5
1.4.1.3	<i>Giúp sinh viên nắm được những kiến thức tổng quan về khung pháp lý khi thực hiện TMĐT</i>		2.5
1.4.1.4	<i>Có khả năng hiểu về hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống bảo mật trong TMĐT, nguồn nhân lực TMĐT</i>		2.5
1.4.1.5	<i>Có khả năng hiểu về cách thức thanh toán trong TMĐT, nắm được các hệ thống thanh toán trong TMĐT</i>		2.5
1.4.2	Đầu tư quốc tế	K4	3.5

1.4.2.1	Nắm được những kiến thức cơ bản về hoạt động đầu tư quốc tế		3.5
1.4.2.2	Lập được dự án khả thi đơn giản		3.5
1.4.2.3	Nắm được một số vấn đề liên quan đến hoạt động chuyển giao công nghệ qua các dự án FDI		3.5
1.4.2.4	Nắm được sơ bộ cách triển khai thực hiện dự án FDI		3.5
1.4.2.5	Biết được một số vấn đề về quản lý nhà nước đối với dự án FDI		3.5
1.4.3	Tín dụng và tài trợ thương mại quốc tế	K1	2.0
1.4.3.1	Có hiểu biết tổng quát về hoạt động tín dụng và phân loại tín dụng; hiểu rõ và phân tích được vai trò, tác động của hoạt động tín dụng đối với xuất nhập khẩu		2.0
1.4.3.2	Có hiểu biết tổng quát về hoạt động tài trợ thương mại quốc tế, các hình thức tài trợ xuất khẩu ngắn hạn và tài trợ nhập khẩu ngắn hạn.		2.0
1.4.4	Chính sách thương mại quốc tế	K1	3.0
1.4.4.1	Có hiểu biết một cách hệ thống và có thể phân tích về lịch sử các học thuyết kinh tế và thương mại quốc tế		3.0
1.4.4.2	Có kiến thức về chiến lược ngoại thương của các quốc gia trên thế giới trong từng giai đoạn lịch sử		3.0
1.4.4.3	Có kiến thức cơ bản về hệ thống chính sách thương mại quốc tế và các công cụ để thực hiện chính sách thương mại quốc tế của Việt Nam và các nước trên thế giới		3.0
1.4.4.4	Có kiến thức về các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của hoạt động ngoại thương và phân tích các hệ thống chỉ tiêu để có thể đánh giá hiệu quả của một hoạt động xuất nhập khẩu cụ thể		3.0
1.4.5	Bảo hiểm trong ngoại thương	K4	2.5
1.4.5.1	Hiểu được sự cần thiết của bảo hiểm, các nguyên tắc bảo hiểm, phân loại được bảo hiểm		2.5
1.4.5.2	Hiểu, nắm được được nội dung bảo hiểm hàng hải (rủi ro, tổn thất bảo hiểm thân tàu, bảo hiểm hàng hóa, bảo hiểm P & I) và Vận dụng để phân bổ tổn thất, giám định bồi thường, phân chia trách nhiệm tai nạn đắm va		2.5
1.4.5.3	Nắm được nội dung bảo hiểm hàng không		2.5
1.4.6	Nghiệp vụ hải quan	K1	2.5
1.4.6.1	Nắm được các mốc thời gian trong lịch sử hình thành và phát triển của Hải quan Việt Nam, nhiệm vụ, địa bàn hoạt động, cơ cấu tổ chức của hải quan Việt Nam.		2.5
1.4.6.2	Tóm tắt được các cơ sở pháp lý của nghiệp vụ hải quan liên quan đến quyền kinh doanh xuất nhập khẩu, chính sách mặt hàng, thuế xuất nhập khẩu và các phương pháp xác định trị giá tính thuế. Thực hiện xác định trị giá tính thuế cho hàng hoá xuất nhập khẩu bằng các phương pháp đã học dựa trên thứ tự áp dụng các phương pháp và điều kiện áp dụng các phương pháp.		2.5
1.4.6.3	Trình bày được khái niệm, đối tượng, nguyên tắc của hoạt động kiểm tra, giám sát hải quan, các nội dung liên quan đến kiểm tra hải quan trong quá trình làm thủ tục hải quan cho hàng hoá, các hình thức giám sát hải quan, các trường hợp phải giám sát hải quan. So sánh được các hình thức giám sát hải quan và chỉ ra được trường hợp áp dụng cho từng hình thức. Trình bày được nội dung của kiểm tra sau thông quan.		

1.4.6.4	<i>Trình bày được các khái niệm liên quan đến thủ tục hải quan điện tử. Liệt kê được các chứng từ trong hồ sơ hải quan theo quy định. Nắm được các quy định về thời hạn khai và nộp hồ sơ hải quan, địa điểm làm thủ tục hải quan theo quy định. Trình bày được những nội dung cơ bản về hệ thống thông quan hàng hoá tự động và một cửa quốc gia VNACCS/VCIS. Tóm tắt được những nội dung liên quan đến hoạt động quản lý rủi ro trong lĩnh vực hải quan</i>		
1.4.7	Kinh doanh quốc tế	K5	3.5
1.4.7.1	<i>Nắm được cách thức hình thành một doanh nghiệp</i>		3.5
1.4.7.2	<i>Hiểu được kiến thức về kinh doanh quốc tế đối với doanh nghiệp</i>		3.5
1.4.7.3	<i>Hiểu được các nội dung về quản trị sản xuất, marketing, quản trị nguồn nhân lực và quản trị tài chính quốc tế</i>		3.5
1.4.7.4	<i>Biết lập một đề án phát triển sản phẩm ở một thị trường nước ngoài và phân tích các yếu tố có liên quan để đảm bảo tính khả thi của đề án đó.</i>		3.5
1.4.8	Thanh toán quốc tế	K5	3.5
1.4.8.1	<i>Hiểu được các khái niệm về tỷ giá hối đoái, thị trường ngoại hối; các yếu tố ảnh hưởng đến TGHĐ; các biện pháp điều chỉnh TGHĐ; các nghiệp vụ chủ yếu trên thị trường ngoại hối</i>		3.5
1.4.8.2	<i>Biết đánh giá tầm quan trọng của TTHĐ đến hoạt động XNK, mua bán hàng hoá, dịch vụ có sử dụng ngoại tệ, sử dụng những công cụ trên thị trường ngoại hối để phòng tránh rủi ro hối đoái</i>		3.5
1.4.8.3	<i>Hiểu được các khái niệm, lịch sử hình thành và cách phân loại các công cụ chuyển nhượng; các yêu cầu về nội dung và hình thức đối với từng công cụ chuyển nhượng (séc, hối phiếu) theo luật quốc tế và luật Việt Nam.</i>		3.5
1.4.8.4	<i>Phân biệt được séc và hối phiếu, thẻ tín dụng và thẻ ghi nợ</i>		3.5
1.4.8.5	<i>Lập được séc và hối phiếu sử dụng trong TMQT</i>		3.5
1.4.8.6	<i>Hiểu được khái niệm, các bên tham gia, các tập quán quốc tế trong các Pthức TT đang sử dụng phổ biến hiện nay.</i>		3.5
1.4.8.7	<i>Hiểu được các quy trình thanh toán của các phương thức thanh toán thông dụng. Hiểu được những rủi ro có thể xảy ra khi sử dụng các phương thức thanh toán.</i>		3.5
1.4.8.8	<i>Viết được yêu cầu chuyển tiền, yêu cầu nhờ thu và yêu cầu mở thư tín dụng; chuẩn bị được các giấy tờ để tiến hành thanh toán. Lập được bộ chứng từ thanh toán theo các PTTT. Kiểm tra các chứng từ TT trên phương diện NH</i>		3.5
1.4.9	Giao nhận vận tải quốc tế	K5	3.5
1.4.9.1	<i>Phân tích được vai trò, phạm vi hoạt động của người giao nhận</i>		3.5
1.4.9.2	<i>Đánh giá được tầm quan trọng của các loại bao bì trong đóng gói hàng hóa XNK</i>		3.5
1.4.9.3	<i>Đánh giá được các quy trình giao nhận trong vận tải biển</i>		3.5
1.4.9.4	<i>Đánh giá được các quy trình giao nhận trong vận tải liên hợp</i>		3.5
1.4.9.5	<i>Đánh giá được các quy trình giao nhận trong vận tải hàng không</i>		3.5
1.4.9.6	<i>Đánh giá được các quy trình giao nhận trong vận tải đường bộ</i>		3.5
1.4.10	Thực tập chuyên ngành	K4	3.0

1.4.10.1	Nắm bắt được các vấn đề thực tế phát sinh, có thể vận dụng lý thuyết đã học để giải thích hoặc thực hiện được một công việc cụ thể được giao		3.0
1.4.10.2	Có khả năng viết báo cáo theo các chuyên đề được giao		3.0
1.4.10.3	Có khả năng bảo vệ báo cáo trước hội đồng chuyên môn		
1.4.11	Thực tập tốt nghiệp	K4	3.5
1.4.11.1	Nắm bắt được các nghiệp vụ cơ bản của ngành ngoại thương, vận dụng những kiến thức đã học để thực hiện các công việc được giao		3.5
1.4.11.2	Có khả năng tổ chức và điều hành được các hoạt động kinh tế đối ngoại trong điều kiện hiện nay		3.5
1.4.11.3	Có khả năng viết một báo cáo chuyên đề thực tập theo yêu cầu của giáo viên hướng dẫn và của bộ môn. Các báo cáo thực tập được làm như một bài luận văn tốt nghiệp cuối khóa		3.5
1.4.11.4	Có khả năng bảo vệ chuyên đề thực tập tốt nghiệp trước hội đồng thi bộ môn		3.5
1.5	Kiến thức tự chọn		
1.5.1	Tin học văn phòng	K3	3.0
1.5.1.1	Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức cơ bản của MS Word, MS Excell giải quyết các vấn đề soạn thảo văn bản và xử lý bảng tính. Cho thấy khả năng sử dụng thành thạo các chức năng cơ bản của MS Word, MS Excell.		3.0
1.5.2	Quan hệ kinh tế quốc tế	K1	3.0
1.5.2.1	Hiểu được những vấn đề cơ bản của quan hệ kinh tế quốc tế như khái niệm; các quan hệ kinh tế quốc tế bao gồm những quan hệ nào, tính chất, vai trò của các quan hệ kinh tế quốc tế		3.0
1.5.2.2	Hiểu được khái niệm và đặc trưng của liên kết kinh tế quốc tế, bản chất và tính tất yếu khách quan của hội nhập kinh tế quốc tế, các tác động của liên kết và hội nhập, các loại hình liên kết kinh tế cả ở cấp độ nhỏ và lớn		3.0
1.5.2.3	Khái quát được những đặc điểm cơ bản của một số liên kết kinh tế quốc tế như WTO, ASEAN, APEC, EU, WB. Phân biệt được sự khác nhau về hình thức liên kết của các liên kết này		3.0
1.5.3	Anh văn cơ bản 1	K1	2.0
1.5.3.1	Biết các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong giao tiếp, gồm các vấn đề về cấu trúc câu, thời động từ, mệnh đề quan hệ, liên từ, các cấp so sánh., v.v		2.0
1.5.3.2	Sử dụng các hoạt động giúp củng cố kỹ năng nghe, nói, đọc viết dưới nhiều chủ đề khác nhau.		2.0
1.5.4	Kinh tế công cộng	K1	2.5
1.5.4.1	Có kiến thức cơ bản về vị trí, vai trò của chính phủ song song với các lý thuyết về phân phối nguồn lực một cách hiệu quả.		2.5
1.5.4.2	Hiểu các dạng thất bại thị trường bao gồm thất bại về tính hiệu quả trong sử dụng nguồn lực, thất bại về phân phối thu nhập, sự bất ổn mang tính chất chu kỳ của nền kinh tế cũng như vấn đề ra quyết định trong khu vực công cộng.		2.5
1.5.5	Kỹ năng mềm 1	K1	2.5
1.5.5.1	Có kỹ năng cơ bản để thực hiện hoạt động giao tiếp, hình thành kỹ năng ứng xử một cách linh hoạt, tạo tự tin khi giao tiếp		2.5

1.5.5.2	Nắm được các kỹ năng thuyết trình		2.5
1.5.6	Môi trường và bảo vệ môi trường	K1	2.5
1.5.6.1	Hiểu được các kiến thức cơ bản về môi trường và tài nguyên; giải thích được một số dạng ô nhiễm các thành phần môi trường và vấn đề biến đổi khí hậu; hiểu được mối quan hệ giữa dân số với các áp lực tài nguyên và môi trường, biết được các giải pháp về mặt chiến lược, quản lý và kỹ thuật đối với nhiệm vụ bảo vệ tài nguyên và môi trường.		2.5
1.5.6.2	Nhận thức được vai trò của bản thân và có thái độ ứng xử đúng đắn trong vấn đề bảo vệ môi trường và sử dụng tài nguyên hợp lý.		2.5
1.5.7	Anh văn cơ bản 2	K1	2.5
1.5.7.1	Có kiến thức cao hơn về các hiện tượng ngữ pháp trong giao tiếp, gồm các thời động từ, danh động từ, động từ nguyên mẫu, động từ khuyết thiếu, thành ngữ động từ, giới từ, đại từ, câu bị động, câu trực tiếp, gián tiếp ., v.v.		2.5
1.5.7.2	Nắm được kỹ năng nghe (các bài hội thoại, phỏng vấn, chương trình phát thanh, v.v); Kỹ năng nói chuyên sâu (trả lời phỏng vấn và tự trình bày ngắn về các chủ đề quen thuộc); Kỹ năng viết chuyên sâu về (viết đoạn văn có độ dài trung bình (80-100 từ)); Kỹ năng đọc (các bài báo ngắn về chủ đề thông dụng)		2.5
1.5.8	Văn hóa doanh nghiệp	K1	2.5
1.5.8.1	Giới thiệu những kiến thức tổng quát về văn hóa doanh nghiệp; các loại hình văn hóa doanh nghiệp; một số vấn đề về đạo đức kinh doanh		2.5
1.5.8.2	Giới thiệu những nội dung cơ bản về văn hóa doanh nhân và xây dựng văn hóa doanh nghiệp.		2.5
1.5.9	Anh văn cơ bản 3	K1	3.0
1.5.9.1	Có kiến thức ngữ pháp cao hơn trong giao tiếp, gồm các thời động từ, so sánh, động từ khuyết thiếu, v.v. Các chủ đề từ vựng trong thể thao, thực phẩm, gia đình, tiền bạc, lối sống, du lịch, giao thông, văn hóa ..v..v		3.0
1.5.9.2	Củng cố kỹ năng nghe, nói, đọc viết dưới nhiều chủ đề khác nhau.		3.0
1.5.10	Quản trị doanh nghiệp	K1	3.0
1.5.10.1	Hiểu và áp dụng các kiến thức về phương pháp quản lý của nhà quản trị và các nghiệp vụ quản trị doanh nghiệp: hoạch định, nhân sự, chi phí và kết quả, kiểm soát.		3.0
1.5.10.2	Có khả năng xác định đúng mức độ quan trọng của các phương pháp quản lý ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh.		3.0
1.5.11	Kinh tế phát triển	K1	2.5
1.5.11.1	Biết những vấn đề liên quan đến kinh tế phát triển bao gồm: đặc trưng của các nước đang phát triển, các phương pháp đánh giá sự phát triển kinh tế ở mỗi quốc gia cả về mặt lượng cũng như mặt chất, các nguồn lực của quá trình phát triển kinh tế và vai trò của các nguồn lực đó đối với sự phát triển kinh tế của mỗi quốc gia.		2.5
1.5.11.2	Hiểu rõ những học thuyết, mô hình kinh tế được sử dụng để lý giải sự biến động của hệ thống kinh tế của mỗi quốc gia như là sự tăng trưởng kinh tế hay sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế.		2.5
1.5.12	Kế toán doanh nghiệp	K5	3.0

1.5.12.1	<i>Tổ chức công tác thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin về hoạt động SXKD, tình hình tài chính của doanh nghiệp cho các cơ quan chức năng, các tổ chức, các cá nhân có liên quan đến trách nhiệm và quyền lợi của doanh nghiệp.</i>		3.0
1.5.12.2	<i>Thực hành kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp các phần hành Kế toán vốn bằng tiền, Kế toán hàng tồn kho, Kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp. Biết lập chứng từ, luân chuyển chứng từ, định khoản vào các sổ sách kế toán liên quan tới nghiệp vụ cụ thể trong doanh nghiệp với các phần hành kế toán ở trên.</i>		3.0
1.5.13	Kinh tế vận chuyển đường biển	K4	3.5
1.5.13.1	<i>Giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về Kinh tế vận chuyển bằng đường biển và ảnh hưởng của các yếu tố tới công tác kinh doanh khai thác đội tàu vận tải biển.</i>		3.5
1.5.13.2	<i>Cung cấp sinh viên kiến thức về đặc điểm ngành, tổng quan về kinh tế vận tải biển, thị trường vận tải, cung cầu vận chuyển, chi phí vận tải biển, giá cước vận tải đường biển, các chỉ tiêu kinh tế - khai thác và hiệu quả trong vận tải biển cũng như các kiến thức tổng quát có liên quan.</i>		3.5
1.5.14	Quản trị chiến lược	K1	3.0
1.5.14.1	<i>Khái quát hóa các khái niệm chiến lược và quản trị chiến lược</i>		3.0
1.5.14.2	<i>Giải thích được quy trình quản trị chiến lược</i>		3.0
1.5.14.3	<i>Xây dựng được tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi cho tổ chức, nhận biết được các yếu tố môi trường bên ngoài, bên trong ảnh hưởng đến tổ chức</i>		3.0
1.5.14.4	<i>Vận dụng được các ma trận EFE, IFE trong việc phân tích thực trạng của tổ chức, ma trận BCG, SWOT trong việc xây dựng các chiến lược kinh doanh phù hợp, ma trận QSPM nhằm lựa chọn chiến lược kinh doanh cần thực hiện cho tổ chức</i>		3.0
1.5.14.5	<i>Nhận biết cách tổ chức thực hiện, đánh giá, kiểm soát chiến lược</i>		3.0
1.5.15	Nghiep vụ kho hàng	K1	3.0
1.5.15.1	<i>Có khả năng hiểu khái niệm cơ bản nhất về kho, phương pháp lưu trữ, bảo quản hàng, quy trình nghiệp vụ xuất, nhập hàng qua kho, quản lý tồn kho</i>		3.0
1.5.15.2	<i>Vận dụng được nguyên lý vận hành và các quy tắc bảo đảm an toàn khi sử dụng các trang thiết bị xếp dỡ, vận chuyển hàng trong kho.</i>		3.0
1.5.16	Địa lý vận tải	K1	3.0
1.5.16.1	<i>Hiểu được những ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên như vị trí địa lý, các hiện tượng thời tiết khí hậu đối với hoạt động vận tải biển.</i>		3.0
1.5.16.2	<i>Có kiến thức cơ bản về mặt địa lý cho sinh viên, có thể tự tìm các tuyến vận tải phổ biến trên thế giới, các kênh đào, eo biển quan trọng.</i>		3.0
1.6	KHỐI KIẾN THỨC TỐT NGHIỆP		
1.6.1	Khóa luận tốt nghiệp	K1	4.0
1.6.1.1	<i>Vận dụng các kiến thức chuyên ngành để giải quyết một vấn đề về mặt kinh tế và quản lý trong hoạt động kinh doanh, khai thác vận tải thủy hoặc khai thác kinh doanh cảng thủy và các dịch vụ,</i>		4.0
1.6.2	Môi trường kinh doanh quốc tế	K1	4.0

1.6.2.1	Hiểu được các khái niệm cơ bản về kinh doanh quốc tế và môi trường kinh doanh quốc tế		4.0
1.6.2.2	Hiểu và vận dụng được các nội dung nghiên cứu môi trường kinh doanh quốc gia		4.0
1.6.2.3	Hiểu và vận dụng được các nội dung nghiên cứu môi trường kinh doanh quốc tế		4.0
1.6.2.4	Hiểu được đặc điểm của các chiến lược kinh doanh quốc tế		4.0
1.6.2.5	Hiểu được đặc điểm của các phương thức xâm nhập thị trường		4.0
1.6.3	Kế hoạch kinh doanh quốc tế	K1	4.0
1.6.3.1	Hiểu được sự khác biệt giữa các quốc gia về môi trường kinh tế, văn hóa, chính trị, pháp luật và sự ảnh hưởng của nó đến hoạt động kinh doanh quốc tế		4.0
1.6.3.2	Hiểu được các chiến lược kinh doanh quốc tế và sự áp dụng từng chiến lược trong từng hoàn cảnh cụ thể		4.0
1.6.3.3	Nắm được được các phương thức thâm nhập thị trường quốc tế		4.0
2	KỸ NĂNG CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP, VÀ PHẨM CHẤT		
2.1	Lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề		
2.1.1	Xác định và nêu vấn đề	S1	
2.1.1.1	Phân tích được dữ liệu và các hiện tượng		3.5
2.1.1.2	Phân tích các giả định và những nguồn định kiến		3.5
2.1.2	Ước lượng và phân tích định tính, phân tích các yếu tố bất định	S1	
2.1.2.1	Hiểu và phân tích các biên độ, giới hạn và khuynh hướng		3.5
2.1.2.2	Phân tích các giới hạn và dự phòng		3.5
2.1.3	Các giải pháp và khuyến nghị	S1	
2.1.3.1	Chọn các kết quả quan trọng của các giải pháp và kiểm tra dữ liệu		3.0
2.1.3.2	Phát hiện các khác biệt trong các kết quả		3.0
2.2	Tư duy tầm hệ thống		
2.2.1	Tư duy toàn cục	S3	2.0
2.2.1.1	Hiểu hệ thống, chức năng và sự vận hành, và các thành phần		
2.2.2	Sắp xếp trình tự ưu tiên và tập trung	S3	3.0
2.2.2.1	Phát hiện tất cả các nhân tố liên quan đến toàn hệ thống		3.0
2.2.2.2	Phát hiện các nhân tố chính yếu từ trong hệ thống		
2.4	Thái độ, tư tưởng và học tập		
2.4.1	Kiên trì, sẵn sàng và quyết tâm, tháo vát và linh hoạt	S1	
2.4.1.1	Xác định ý thức trách nhiệm về kết quả		2.0
2.4.1.2	Cho thấy sự tự tin, lòng can đảm, và niềm đam mê		3.0
2.4.1.3	Cho thấy Sự quyết tâm hoàn thành mục tiêu		3.0
2.4.2	Tư duy suy xét	S1	
2.4.2.1	Giải thích mục đích, nêu vấn đề hoặc sự kiện		2.0
2.4.2.2	Áp dụng những lập luận lô-gic (và biện chứng) và giải pháp		3.0
2.4.3	Học tập và rèn luyện suốt đời	S1	
2.4.3.1	Xác định động lực tự rèn luyện thường xuyên		2.0
2.4.3.2	Xây dựng các kỹ năng tự rèn luyện		3.0
2.5	Đạo đức, công bằng và các trách nhiệm khác		

2.5.1	<i>Đạo đức, liêm chính và trách nhiệm xã hội</i>	S2	
2.5.1.1	<i>Tạo ra các tiêu chuẩn và nguyên tắc về đạo đức của bản thân</i>		3.0
2.5.1.2	<i>Cho thấy tính trung thực</i>		3.0
2.5.2	<i>Hành xử chuyên nghiệp</i>	S2	3.0
2.5.2.1	<i>Cho thấy phong cách chuyên nghiệp</i>		
3	KỸ NĂNG GIAO TIẾP: LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP		
3.1	Làm việc nhóm		
3.1.1	<i>Tổ chức nhóm hiệu quả</i>	C1	
3.1.1.1	Xác định vai trò và trách nhiệm của nhóm		2.0
3.1.1.2	Đánh giá các điểm mạnh và điểm yếu của nhóm và các thành viên		3.0
3.1.2	<i>Hoạt động nhóm</i>	S4, C1	
3.1.2.1	Xác định các mục tiêu và công việc cần làm		2.0
3.1.2.2	Vận dụng hoạch định và tạo điều kiện cho các cuộc họp có hiệu quả		3.0
3.1.2.3	Vận dụng giao tiếp hiệu quả (lắng nghe, hợp tác, cung cấp và đạt được thông tin một cách chủ động)		3.0
3.1.2.4	Cho thấy khả năng phản hồi tích cực và hiệu quả		3.0
3.2	Giao tiếp		
3.2.1	<i>Giao tiếp bằng văn bản</i>	S5	
3.2.1.1	Cho thấy khả năng viết mạch lạc và trôi chảy		3.0
3.2.1.2	Cho thấy khả năng viết đúng chính tả, chấm câu, và ngữ pháp		3.0
3.2.1.3	Cho thấy khả năng định dạng văn bản, sử dụng thành thạo các chức năng cơ bản của MS Word		3.5
3.2.2	<i>Giao tiếp điện tử/ đa truyền thông</i>	S5	
3.2.2.1	Cho thấy khả năng chuẩn bị bài thuyết trình điện tử		3.0
3.2.2.2	Cho thấy khả năng sử dụng thư điện tử, lời nhắn, và hội thảo qua video		3.0
3.3	Giao tiếp bằng ngoại ngữ		
3.3.1	Kỹ năng nghe: có thể hiểu được những điểm chính của một diễn ngôn tiêu chuẩn và rõ ràng về một vấn đề quen thuộc, thường xuyên gặp phải trong công việc, học tập và giải trí ... có thể hiểu được những điểm chính của các chương trình phát thanh hoặc truyền hình liên quan đến công việc hiện tại hoặc các vấn đề liên quan đến cá nhân, đến nghề nghiệp quan tâm khi chúng được trình bày tương đối chậm và rõ ràng	S6	3.5
3.3.2	Kỹ năng đọc: có thể hiểu được các văn bản có lời diễn đạt căn bản thường gặp hoặc liên quan đến công việc; có thể hiểu được các diễn tả về sự kiện, cảm xúc và ước muốn trong thư tín cá nhân	S6	3.5
3.3.3	Kỹ năng nói: có thể trao đổi trực tiếp và ngắn gọn thông tin về những đề tài và các hoạt động quen thuộc, những công việc đơn giản thường gặp; có thể xử lý những trao đổi xã hội ngắn, và có thể sử dụng một loạt các cụm từ và câu để miêu tả một cách đơn giản về gia đình và những người khác, về điều kiện sống, học vấn và công việc	S6	3.5
3.3.4	Kỹ năng viết: có thể viết mạch lạc những vấn đề quen thuộc hoặc những đề tài quan tâm, có thể viết thư để diễn tả các trải nghiệm và ấn tượng cá nhân	S6	3.5
4	HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ, THỰC HIỆN, VÀ VẬN HÀNH TRONG		

	BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG – QUÁ TRÌNH SÁNG TẠO		
4.1	Bối cảnh bên ngoài, xã hội và môi trường		
4.1.1	Vai trò và trách nhiệm của người cử nhân kinh tế ngoại thương	S2, C2	
4.1.1.1	Xác định các mục tiêu và vai trò của ngành nghề		2.0
4.1.1.2	Xác định các trách nhiệm của cử nhân kinh tế ngoại thương đối với xã hội và một tương lai bền vững		2.0
4.1.2	Bối cảnh lịch sử, văn hóa và phát triển quan điểm toàn cầu hoá	S2	
4.1.2.1	Phân biệt được bản chất đa dạng và lịch sử của xã hội loài người cũng như các truyền thống của ngành kinh tế ngoại thương		2.0
4.1.2.2	Xác định sự quốc tế hóa của hoạt động con người		2.0
4.2	Bối cảnh doanh nghiệp và kinh doanh trong ngành kinh tế ngoại thương		
4.2.1	Tôn trọng các nền văn hóa doanh nghiệp khác nhau	S1	2.0
4.2.1.1	Nhận thức và phân tích sự khác biệt về văn hóa tại công ty so với tổ chức giáo dục/tổ chức thuộc chính phủ/tổ chức phi lợi nhuận		2.0
4.2.1.2	Nhận thức và tôn trọng sự khác biệt trong văn hóa doanh nghiệp giữa các quốc gia khác nhau		2.0
4.2.2	Các bên liên quan	S1	2.0
4.2.2.1	Xác định nghĩa vụ của các bên liên quan		2.0
4.2.2.2	Phân biệt các bên liên quan và các bên thụ hưởng (chủ sở hữu, nhân viên, khách hàng, v.v.)		2.0
4.5	Thực hiện phương án/ dự án hay chính sách kinh tế		
4.5.3	Tổ chức thực hiện phương án/ dự án	S4	2.0
4.5.3.1	Đảm bảo quá trình thực hiện đáp ứng ba tiêu chí: chất lượng, chi phí và tiến độ		2.0
4.5.3.2	Khẳng định mục tiêu kế hoạch/ dự án được thực hiện		2.0
4.5.3.3	Dự báo các yếu tố bất định và thiết lập phương án đối phó		2.0

Thang trình độ năng lực và phân loại học tập

Thang TĐNL	PHÂN LOẠI HỌC TẬP		
	Lĩnh vực Kiến thức (Bloom, 1956)	Lĩnh vực Thái độ (Krathwohl, Bloom, Masia, 1973)	Lĩnh vực Kỹ năng (Simpson, 1972)
1. Có biết hoặc trải qua			1. Khả năng Nhận thức 2. Khả năng Thiết lập
2. Có thể tham gia vào và đóng góp cho	1. Khả năng Nhớ	1. Khả năng Tiếp nhận hiện tượng	3. Khả năng Làm theo hướng dẫn
3. Có thể hiểu và giải thích	2. Khả năng Hiểu	2. Khả năng Phản hồi hiện tượng	4. Thuần thực
4. Có kỹ năng thực hành hoặc triển khai trong	3. Khả năng Áp dụng 4. Khả năng Phân tích	3. Khả năng Đánh giá	5. Thành thạo kỹ năng phức tạp 6. Khả năng Thích ứng
5. Có thể dẫn dắt hoặc sáng tạo trong	5. Khả năng Tổng hợp 6. Khả năng Đánh giá	4. Khả năng Tổ chức 5. Khả năng Hành xử	7. Khả năng Sáng chế

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp.

Chương trình đào tạo chuyên ngành Kinh tế Ngoại thương đang đáp ứng tốt nhu cầu của xã hội. Điều này được thể hiện ở việc sinh viên tốt nghiệp từ ngành này được xã hội chấp nhận nên tỷ lệ có việc làm của sinh viên rất cao, tỷ lệ này đối với sinh viên mới tốt nghiệp cũng đạt đến 80%. Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể đảm nhận các vị trí việc làm tại các đơn vị sau:

- Bộ phận hợp tác quốc tế, bộ phận quan hệ quốc tế của các sở ban ngành;
- Phòng nghiệp vụ tại các Chi cục, Cục, Tổng cục Hải quan;
- Phòng nghiệp vụ Xuất nhập khẩu, Phòng Logistics, Phòng kinh doanh của các Doanh nghiệp có liên quan;
- Bộ phận thanh toán quốc tế, bộ phận tính dụng, bộ phận chăm sóc khách hàng... tại các Ngân hàng thương mại;
- Đại diện thương mại của các hãng, các công ty và tập đoàn đa quốc gia, các tổ chức quốc tế...;
- Ban quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế.

Cụ thể các vị trí việc làm cụ thể tại một số đơn vị có thể kể đến: Nhân viên ngân hàng, Nhân viên giao nhận, Nhân viên kinh doanh XNK, Nhân viên hải quan, Chuyên viên thẩm định và quản lý các dự án đầu tư nước ngoài và rất nhiều các vị trí khác tại các tổ chức...

Cơ hội thăng tiến nghề nghiệp:

- Có cơ hội cao trong việc tìm kiếm việc làm trên mọi miền của đất nước;
- Có cơ hội thăng tiến trong công tác với mức thu nhập cao;
- Có nhiều điều kiện để tiếp tục học tập nâng cao trình độ ở trong và ngoài nước.

4. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo

4.1. Khối lượng kiến thức, kỹ năng, năng lực toàn khóa: 123 TC

(Không tính các học phần GDTC và GDQP-AN)

- a. Khối kiến thức, kỹ năng cơ bản (không tính ngoại ngữ, tin học): 15 TC.*
- b. Khối kiến thức, kỹ năng cơ sở: 45 TC.*
- c. Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành: 36 TC.*
- d. Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn: 21 TC.*
- e. Khối kiến thức tốt nghiệp: 6 TC.*

4.2. Cấu trúc chương trình đào tạo

Ngành: Kinh doanh quốc tế (7340120)-Chuyên ngành: Kinh tế ngoại thương (D402)

Tổng cộng: 123 TC

Bắt buộc: 96 TC

Tự chọn tối thiểu: 21 TC

Tốt nghiệp: 6 TC

HỌC KỲ 1 I. Bắt buộc: 13 TC Học trước - Toán chuyên đề (18125-3TC) - Những NLCB của CN ML1 (19106-2TC) - Kinh tế vi mô (15101-3TC) - Tài chính tiền tệ (28301-3TC) - Giới thiệu ngành (15115-2TC) II. Tự chọn - Tin học văn phòng (17102-3TC) - Quan hệ kinh tế quốc tế (15640-3TC)	HỌC KỲ 2 I. Bắt buộc: 10 TC Học trước - Kinh tế vĩ mô (15102-3TC) 15101 - Những NLCB của CN ML2 (19109-3TC) 19106 - Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC) 19106 - Pháp luật đại cương (11401-2TC) II. Tự chọn - Anh văn cơ bản 1 (25101-3TC) - Kinh tế công cộng (15103-3TC) - Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC) - Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)
HỌC KỲ 3 I. Bắt buộc: 13 TC Học trước - Đường lối CM của ĐCSVN (19301-3TC) 19201 - Nguyên lý thống kê (15117-2TC) 18125 - Nguyên lý kế toán (28108-3TC) 28301 - Thuế vụ (28307-2TC) - Kinh tế lượng (15105-3TC) 18125 II. Tự chọn - Anh văn cơ bản 2 (25102-3TC) - Văn hóa doanh nghiệp (28239-3TC)	HỌC KỲ 4 I. Bắt buộc: 13 TC Học trước - Logistics và vận tải ĐPT (15815-3TC) - Giao dịch thương mại quốc tế (15635-3TC) - Khoa học giao tiếp (15607-2TC) - Kinh tế quốc tế (15632-3TC) - Thương mại điện tử (15618-2TC) II. Tự chọn - Anh văn cơ bản 3 (25103-3TC) - Quản trị doanh nghiệp (28214-3TC)
HỌC KỲ 5 I. Bắt buộc: 13 TC Học trước - Đàm phán thương mại quốc tế (15627-2TC) - Đầu tư quốc tế (15622-4TC) - Pháp luật kinh doanh quốc tế (15636-3TC) - Tín dụng và tài trợ TM quốc tế (15617-2TC) - Thực tập cơ sở ngành (15645-2TC) II. Tự chọn - Kinh tế phát triển (15113-2TC) - Kế toán doanh nghiệp 1 (28119-2TC) 28108	HỌC KỲ 6 I. Bắt buộc: 14 TC Học trước - Chính sách thương mại quốc tế (15633-4TC) - Marketing quốc tế (28237-3TC) - Bảo hiểm trong ngoại thương (15619-2TC) - Nghiệp vụ hải quan (15610-2TC) - PT HĐKT trong KTN (15132-3TC) II. Tự chọn - Kinh tế VC đường biển (15326-3TC) - Quản trị chiến lược (28209-3TC)
HỌC KỲ 7 I. Bắt buộc: 16 TC Học trước - Kinh doanh quốc tế (15626-5TC) 15632;15633 - Thanh toán quốc tế (15648-5TC) 15632;15633 - Giao nhận vận tải quốc tế (15625-4TC) - Thực tập chuyên ngành (15646-2TC) 15645 II. Tự chọn - Nghiệp vụ kho hàng (30101-2TC) - Địa lý vận tải (15301-2TC)	HỌC KỲ 8 I. Bắt buộc: 4 TC Học trước - Thực tập tốt nghiệp (15647-4TC) 15646 II. Tự chọn: 6/12 TC - Khóa luận tốt nghiệp (15644-6TC) - Môi trường kinh doanh quốc tế (15650-3TC) - Kế hoạch kinh doanh quốc tế (15651-3TC)

5. Tuyển sinh

Trường Đại học Hàng hải Việt Nam tổ chức tuyển sinh chuyên ngành Kinh tế ngoại thương hàng năm theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Nhà trường.

6. Tổ chức giảng dạy, học tập và đánh giá

Chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ. Nhà trường tổ chức đào tạo theo năm học và học kỳ.

- Một năm học gồm 03 học kỳ: học kỳ I, II và học kỳ phụ ngoài thời gian nghỉ hè.
- Học kỳ phụ có 6 - 7 tuần bao gồm cả thời gian học và thi, dành cho sinh viên học lại, học cải thiện điểm trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc và không miễn giảm học phí. Các học phần thực tập cũng được bố trí trong học kỳ phụ.
- Học kỳ I và II có nhiều nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi là các học kỳ bắt buộc sinh viên phải đăng ký khối lượng học tập và được miễn giảm học phí theo quy định.
- Trong thời gian nghỉ hè (06 tuần), Nhà trường có thể bố trí các học phần thực tập giữa khóa, thực tập tốt nghiệp và các trường hợp đặc biệt khác.

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá theo kết quả học tập trong kỳ và kết quả thi cuối kỳ. Thực hiện đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo học kỳ và theo khóa học.

7. Cấp bằng tốt nghiệp

Sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo, đảm bảo các chuẩn đầu ra và các điều kiện cấp bằng đại học khác theo quy định được cấp bằng Cử nhân ngành Kinh doanh quốc tế, chuyên ngành Kinh tế ngoại thương.